

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 11 – 2021

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Nhân

2. Bà Huỳnh Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1975 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 201C/2, ấp Q, xã U, huyện X, tỉnh S

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Kim Đ, sinh năm: 1976 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 44B/2, khu vực I, phường O, quận Y, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Qua mai mối, ông với bà Võ Thị Kim Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1996 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ông với bà Đ có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày: 22/10/1997 nhưng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên ông với bà Đ đã sống ly thân từ năm 1997 cho đến nay. Do sống ly thân đã lâu, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên ông khởi kiện và yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Kim Đ;

Về con chung: Có 01 người con chung, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị Kim Đ trình bày: Vào năm 1996, bà với ông Nguyễn Thanh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và vợ chồng có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 22/10/1997. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 1997 cho đến nay. Do vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T; về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu không hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Võ Thị Kim Đ đồng ý ly hôn; con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vụ án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung: Nguyên đơn với bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1997 cho đến nay nhưng không có khả năng hòa giải đoàn tụ, bị đơn cũng đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về ly hôn, con chung, nợ chung và tài sản chung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T với bị đơn bà Võ Thị Kim Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông T có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T với bị đơn bà Võ Thị Kim Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 1997. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 1997 và bị đơn hiện đang sinh sống tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Xét về hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện của các bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T với bị đơn bà Võ Thị Kim Đ đã phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu nhưng không có khả năng hòa giải đoàn tụ; nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ thành; bị đơn đã đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thành N, sinh ngày 22/10/1997, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T đối với bị đơn bà Võ Thị Kim Đ, cho ông Nguyễn Thanh T với bà Võ Thị Kim Đ được ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 005248 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quý